

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 172/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022
nguồn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ CHÍN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn
ngân sách địa phương và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2022 nguồn
ngân sách trung ương; Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm
2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư
công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương; Nghị quyết số 128/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt bổ
sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương; Nghị quyết
số 161/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về
việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương
của tỉnh Gia Lai;*

*Xét Tờ trình số 2750/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân
sách địa phương của tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 205/BC-HĐND ngày 28
tháng 11 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2022 nguồn ngân sách trung ương; Biểu số 1, 2 và Phụ lục 3 kèm theo; Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 161/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của

Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai và Phụ lục 1, 2 kèm theo; cụ thể:

Điều chỉnh giảm vốn 01 dự án, vốn chuẩn bị đầu tư, vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn bố trí kinh phí xử lý hạt thu năm 2019, 2020 là **264.428,183 triệu đồng**, gồm:

- (1) Vốn chuẩn bị đầu tư: giảm 13.710 triệu đồng.
- (2) Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia: giảm 80.000 triệu đồng.
- (3) Dự án Trụ sở làm việc các ban quản lý rừng phòng hộ: giảm 2.150 triệu đồng.
- (4) Vốn bố trí kinh phí xử lý hạt thu năm 2019, 2020: giảm 168.568,183 triệu đồng (từ 170.708,183 triệu đồng giảm còn 2.140 triệu đồng).

(Kèm theo Phụ lục 1, 2, 3 và Phụ biểu)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - VP.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đanh mục dự án	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh (lần 1)						Điều chỉnh tăng	Kế hoạch 2022 sau điều chỉnh lần 2	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số	Trong đó								
								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ đọng XDCB							
1	2	5	6	7	8	11	12	13	14				15	16		
A	Tiền sử dụng đất tính đầu tư			3.295.411	2.370.971	331.714	331.714	-	-	264.428,183	-	67.286				
I	Chuẩn bị đầu tư					13.710	13.710			13.710		-			Chỉ tiết tại Phụ lục 2	
II	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính			1.316.321	1.316.321	40.619	40.619	-	-			40.619				
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022			1.316.321	1.316.321	40.619	40.619	-	-			40.619				
	Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai	2018-2022	455/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	1.316.321	1.316.321	40.619	40.619	-	-			40.619		Sở Tài nguyên và Môi trường	Bộ tri tối thiểu 10% tổng thu tiền sử dụng đất	
III	Lĩnh vực quốc phòng			51.650	51.650	5.447	5.447	-	-			5.447				
	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	2022-2025	80/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	51.650	51.650	5.447	5.447	-	-			5.447		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Vốn đã cấp cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chi trả đến bù	
IV	Các hoạt động kinh tế			1.909.440	985.000	97.000	97.000	-	-	80.000	-					
IV.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản			-	-	80.000	80.000	-	-	80.000	-					
	Dự án khởi công mới năm 2022			-	-	80.000	80.000	-	-	80.000	-					
	Vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia					80.000	80.000	-	-	80.000	-					
IV.2	Giao thông			1.909.440	985.000	17.000	17.000	-	-	17.000	-			17.000		
	Các dự án hoàn thành trước năm 2022			44.440	20.000	17.000	17.000	-	-	17.000	-			17.000		
	Sửa chữa, nâng cấp đường liên huyện Pleiku - Đak Đoa - Chư Sê (đoạn từ ngã ba La Sơn đến trung tâm xã Ia Tiêm km0+00-km7+100)	2020-2021	627/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	44.440	20.000	17.000	17.000	-	-					Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Thanh toán khối lượng hoàn thành	



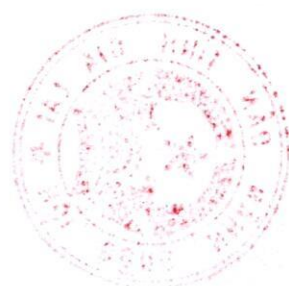
TT	Danh mục dự án	Thời gian K-C-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2022 điều chỉnh (lần 1)						Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Kế hoạch 2022 sau điều chỉnh lần 2	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP									
			Tổng mức đầu tư	Tổng số				Trong đó									
								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ đóng XDCB								
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập Các dự án khởi công mới năm 2022			12.000	12.000	2.150	2.150	-	-	-	2.150	-	-	-			
					12.000	12.000	2.150	2.150	-	-	-	2.150	-	-	-		
	Trụ sở làm việc các ban quản lý rừng phòng hộ	2022- 2023	406/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 276/QĐ-BQLĐA ngày 25/6/2021; 255/QĐ-SKHĐT ngày 02/12/2021	12.000	12.000	2.150	2.150				2.150		-		Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh		
VI	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp Các dự án hoàn thành trước năm 2022			6.000	6.000	2.080	2.080	-	-	-	-	-	-	2.080			
				6.000	6.000	2.080	2.080	-	-	-	-	-	-	2.080			
	Trường THCS Nguyễn Du, huyện Đắk Pơ	2020	190/QĐ-UBND ngày 10/3/2017; 74/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.000	6.000	2.080	2.080				2.080			2.080	UBND huyện Đắk Pơ	Thanh toán khối lương hoàn thành	
VII	Bổ trợ kinh phí xử lý hạt thu năm 2019, 2020					170.708,183	170.708,183	-	-	-	168.568,183			2.140		Chi tiết tại Phụ lục 3	

ĐIỀU CHỈNH TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kèm theo Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Số giao dự toán	Điều chỉnh số dự toán	Chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí khác	Tiền sử dụng đất sau khi trừ chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	Kế hoạch đầu tư công năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(6)	(8)	(9)	(10)
	TỔNG CỘNG	1.500.000	1.500.000	809.140	88.748	720.392	40.619	720.392	
I	Thu tiền sử dụng đất của huyện, thị xã, thành phố (đăng ký)	654.000	720.640	720.640	67.534	653.106	-	653.106	
1	Thành phố Pleiku	338.600	399.620	399.620	13.900	385.720		385.720	
2	Huyện Đak Đoa	15.000	50.660	50.660	2.000	48.660		48.660	
3	Thị xã An Khê	65.325	58.792	58.792	5.304	53.488		53.488	
4	Thị xã Ayun Pa	7.500	6.750	6.750		6.750		6.750	
5	Huyện Chư Sê	50.000	45.000	45.000		45.000		45.000	
6	Huyện Chư Păh	25.000	22.500	22.500		18.900		18.900	
7	Huyện Ia Grai	34.000	30.600	30.600		19.000		19.000	
8	Huyện Mang Yang	8.000	7.200	7.200		5.724		5.724	
9	Huyện Chư Prông	15.000	13.500	13.500		3.500		3.500	
10	Huyện Chư Pưh	40.000	36.000	36.000		24.000		24.000	
11	Huyện Khang	7.000	6.300	6.300		6.300		6.300	
12	Huyện Kông Chro	1.975	1.778	1.778		124		124	
13	Huyện Đức Cơ	24.000	21.600	21.600		19.600		19.600	
14	Huyện Đăk Pơ	8.000	7.200	7.200		6.200		6.200	
15	Huyện Ia Pa	1.600	1.440	1.440		1.440		1.440	
16	Huyện Krông Pa	10.000	9.000	9.000		6.000		6.000	
17	Huyện Phú Thiện	3.000	2.700	2.700		2.700		2.700	
II	Thu tiền sử dụng đất của tỉnh	846.000	779.360	88.500	21.213,62	67.286	40.619	67.286	

Đơn vị tính: Triệu đồng



ĐIỀU CHỈNH GIÁM VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh				Kế hoạch vốn năm 2022	Giảm vốn	Tăng vốn	Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư								
					Tổng số	Trong đó: NSDP							
I	Tiến sử dụng đất				1.244.000	1.236.000	13.710	13.710	-	-	-		
1	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Chư Prông, Đức Cờ, Ia Grai	2022- 2025	80/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 10180/QĐ-BCH ngày 15/12/2021	51.650	51.650	1.530	1.530				Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	
2	Xây dựng Bệnh viện 331	Pleiku	2024- 2026	417/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 326/QĐ- UBND ngày 16/7/2021	300.000	300.000	1.840	1.840				Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Các huyện, thị xã, thành phố	2023- 2024	374/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 197/QĐ- SKHĐT ngày 27/9/2021	53.000	45.000	120	120				Sở Tài nguyên và Môi trường	
4	Đường nội thị thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Ia Grai	2023- 2025	412/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 835/QĐ- UBND ngày 19/7/2021	40.000	40.000	570	570				UBND huyện Ia Grai	
5	Đường Lê Thánh Tôn (đoạn từ Trường Chinh trị đến Trường Lâm nghiệp), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	2024- 2026	387/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 2340/QĐ- UBND ngày 26/8/2021	160.000	160.000	1.140	1.140				UBND thành phố Pleiku	
6	Đường nội thị thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Kông Chro	2024- 2026	360/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 37/QĐ- UBND ngày 16/7/2021	90.000	90.000	940	940				UBND huyện Kông Chro	

ĐVT: Triệu đồng



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch vốn năm 2022	Giảm vốn	Tăng vốn	Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
					Tổng số	Trong đó: NSDP						
7	Đường giao thông huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Krông Pa	2024-2026	355/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 287/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	80.000	80.000	530	530			UBND huyện Krông Pa	
8	Đường giao thông huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Chư Prông	2024-2026	426/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 1426/QĐ-UBND ngày 04/8/2021	75.000	75.000	800	800			UBND huyện Chư Prông	
9	Đường giao thông huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Đak Đoa	2024-2026	382/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 1466/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	70.000	70.000	510	510			UBND huyện Đak Đoa	
10	Đường giao thông huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Phú Thiện	2024-2026	395/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 240/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	70.000	70.000	1.580	1.580			UBND huyện Phú Thiện	
11	Đường liên xã huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai	Đak Pơ	2024-2026	354/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 1318/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	70.000	70.000	1.710	1.710			UBND huyện Đak Pơ	
12	Đường nội thị huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Mang Yang	2024-2026	422/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 1099/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	66.000	66.000	580	580			UBND huyện Mang Yang	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch vốn năm 2022	Giảm vốn	Tăng vốn	Kế hoạch vốn năm 2022 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư							
					Tổng số	Trong đó: NSDP						
13	Đường nội thị huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Ia Pa	2024-2026	397/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 212/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	60.000	60.000	570	570			UBND huyện Ia Pa	
14	Nâng cấp, mở rộng đường Tăng Bạt Hổ, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Đức Cơ	2025-2026	361/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 1183/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	35.000	35.000	360	360			UBND huyện Đức Cơ	
15	Đường giao thông quy hoạch Tây sông Ba, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	Kbang	2025-2026	393/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 244/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	35.000	35.000	390	390			UBND huyện Kbang	
16	Đường nội thị huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	Chư Pưh	2025-2026	424/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 56/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	20.000	20.000	230	230			UBND huyện Chư Pưh	
17	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Gia Lai	Pleiku	2024-2025	348/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 324/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	20.000	20.000	310	310			Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	

ĐIỀU CHỈNH GIÁM VỐN CÁC DỰ ÁN HỤT THU NĂM 2019, 2020
(Kèm theo Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch năm 2022					Tăng vốn	Kế hoạch 2022 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó						
				Tổng số	Trong đó: NSDP		NSDP	Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB				
I	Tổng số Năm 2019					170.708,183 121.597,041	170.708,183 121.597,041	163.131,142 114.020,000	- -	- -	2.140,000 2.140,000		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					114.020,000	114.020,000	114.020,000				UBND thị xã Ayun Pa, UBND các huyện: Chư Păh, Phú Thiện, Ia Pa, Đăk Pơ, Mang Yang, Đăk Đoa, Đăk Cờ, Kông Chro, Chư Pưh, Chư Sê, Ia Grai, Chư Prông, Khang	
2	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	2018-2022	455/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	1.316.321	1.316.321	7.577,041	7.577,041				2.140,000	Sở Tài nguyên và Môi trường	
II	Năm 2020					49.111,142	49.111,142	49.111,142	-	-	-		
1	Dự án tổng thể xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia Lai	2018-2022	455/QĐ-UBND ngày 01/10/2018	1.316.321	1.316.321	20.825,862	20.825,862	20.825,862				Sở Tài nguyên và Môi trường	
2	Kê chống sạt lở bờ Tây sông Ayun đoạn qua thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	2012-2020	724/QĐ-UBND ngày 09/8/2013; 939/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 848/QĐ-UBND ngày 13/9/2017; 1043/QĐ-UBND ngày 17/10/2018	412.009	64.988	235,292	235,292	235,292			235,292	UBND thị xã Ayun Pa	
3	Đường vào ba buôn xã Chư Drăng, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	2019-2020	383/QĐ-UBND ngày 28/6/2019; 1009/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	39.100	39.100	4.687,560	4.687,560	4.687,560			4.687,560	UBND huyện Krông Pa	
4	Đầu tư trang thiết bị cho bệnh viện tuyến tỉnh	2018-2020	988/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 934/QĐ-UBND ngày 19/10/2017	150.000	122.608	1.474,380	1.474,380	1.474,380			1.474,380	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
5	Trưởng phó thông DTNT huyện Đăk Cờ (nay là trưởng THCS Dân tộc nội trú huyện Đăk Cờ), thị trấn Chư Ty, huyện Đăk Cờ	2018-2020	308/QĐ-UBND ngày 21/4/2017	30.000	30.000	4.303,670	4.303,670	4.303,670			4.303,670	Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh	



STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Kế hoạch năm 2022				Giảm vốn	Tăng vốn	Kế hoạch 2022 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSDP		NSDP	Trong đó							
								Thu hồi các khoản ứng trước NSDP	Thanh toán nợ XDCB						
6	Nâng cấp Trường phổ thông Dân tộc nội trú huyện Kông Chro	2018-2020	1085/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	16.000	16.000	2.812.331	2.812.331	2.812.331			2.812.331		Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh		
7	Trường THCS Phú Túc, thị trấn Phú Túc, huyện Kông Pa	2019-2020	128/QĐ-SKHDT ngày 30/10/2018	14.990	14.990	3.000.000	3.000.000	3.000.000			3.000.000		UBND huyện Kông Pa		
8	Trường THPT Pleime, xã Ia Ga, huyện Chư Prông	2020	161/QĐ-UBND ngày 07/3/2017; 131/QĐ-SKHDT ngày 08/10/2019	6.000	6.000	2.584.646	2.584.646	2.584.646			2.584.646		Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh		
9	Trường THCS Phan Bội Châu, xã Uac, huyện Kông Pa	2019-2020	232/QĐ-UBND ngày 05/4/2016; 564/QĐ-UBND ngày 28/9/2018	3.000	3.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000			1.500.000		UBND huyện Kông Pa		
10	Trường THCS Nguyễn Du, xã Cư An, huyện Đắk Pơ	2020	190/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 74/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.000	6.000	400.000	400.000	400.000			400.000		UBND huyện Đắk Pơ		
11	Trường THCS Phan Bội Châu, xã Phú An, huyện Đắk Pơ	2020	187/QĐ-UBND ngày 10/3/2017; 73/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	3.000	3.000	350.000	350.000	350.000			350.000		UBND huyện Đắk Pơ		
12	Trường THCS Quang Trung, xã Ayan Hă, huyện Phú Thiện	2020	261/QĐ-UBND ngày 14/4/2016; 2234/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	3.000	3.000	937.400	937.400	937.400			937.400		UBND huyện Phú Thiện		
13	Trường THCS Kpa Klong xã Hă Bàu, huyện Đắk Đoa	2020	500/QĐ-UBND ngày 23/8/2019; 154/QĐ-SKHDT ngày 24/10/2019	12.000	12.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000			4.300.000		UBND huyện Đắk Đoa		
14	Trường THCS Kông Bô La, xã Kông Bô La, huyện Kông Chro	2020	145/QĐ-UBND ngày 03/3/2017; 462/QĐ-UBND ngày 20/11/2018	5.000	5.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000			1.700.000		UBND huyện Kông Chro		